

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Công Ty CP Du
Lịch Và Tiếp Thị
Giao Thông Vận
Tải Việt Nam-
Vietravel

Digitally signed by Công Ty CP Du Lịch Và
Tiếp Thị Giao Thông Vận Tải Việt Nam-
Vietravel
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH,
CN=Công Ty CP Du Lịch Và Tiếp Thị Giao
Thông Vận Tải Việt Nam- Vietravel,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0300465937
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025.03.31 18:17:04+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 – 55

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel ("Công ty mẹ") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel là là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty TNHH MTV Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel theo Quyết định số 3556/QĐ-BGTVT ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty mẹ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0300465937 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 9 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 37 ngày 30 tháng 12 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 292.390.900.000 VND
(Hai trăm chín mươi hai tỷ ba trăm chín mươi triệu chín trăm nghìn đồng)
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND
Tổng số cổ phần: 29.239.090 cổ phần
Mã chứng khoán: VTR
Sàn giao dịch: UPCoM

Trụ sở chính:
Địa chỉ: 190 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.28) 3866 8999
Fax: (84.28) 3829 9142
Website: www.travel.com.vn

Công ty mẹ có các công ty con như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Indochina Heritage Travel	350Beo, đường Preaek Monivong, Phường Bung Khen Kon I, Quận Cham Ka Mon, TP. Phnom Penh, Campuchia	Tổ chức hoạt động du lịch lữ hành	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại Đầu tư Đảo Ngọc Bích	Số 53, đường 30/04, Khu phố 1, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Vietravel Australia Pty. Ltd.	Số 294, đường Hampshire, Sunshine, bang Victoria 3020, Úc	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty TNHH An Incentives	Số 19, đường Damesme, 75013 Paris – 19 rue Damesme 75013 Paris, Cộng hòa Pháp	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa, điều hành tour, bán vé máy bay, kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách du lịch	100,00%	100,00%	100,00%

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Viet Nam Travel and Marketing Transports Joint Stock Company – Vietravel	Số 9191, phòng 220, đại lộ Bolsa, TP. Westminster, bang California, Hoa Kỳ	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa, đại lý vé máy bay	100,00%	100,00%	100,00%
Viet Nam Travel and Marketing Transports Private Limited	Phòng 08-08, Orchard Plaza, số 150 đại lộ Orchard, 238841 Singapore	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa, đại lý vé máy bay	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Vietravel (*)	90A Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh lữ hành du lịch, bất động sản, ăn uống, nhà hàng, đào tạo trung cấp	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Trip U	90A Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh dịch vụ lữ hành du lịch, cổng thông tin chi tiết dịch vụ thương mại điện tử	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần Truyền thông & Sự kiện Đan Ong Việt	27-29 Huỳnh Văn Gấm, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tổ chức, giới thiệu và xúc tiến thương mại	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH MTV Du lịch Vietravel Huế	01 Hùng Vương, Phường Phú Hội, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa	100,00%	100,00%	100,00%

(*) Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Vietravel đã giải thể ngày 08/01/2025.

Công ty mẹ có các công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Viet Nam Travel and Marketing Transports Co., Ltd.	752/2 Petch Kasem, 55/2 Alley, Lak Song Subdistrict, Quận Bang Khae, Bangkok Metropolis, Thái Lan	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa, đại lý vé máy bay	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Vietravel	90A Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	45,45%	45,45%	45,45%
Công ty cổ phần Lữ hành Sài Gòn Việt Nam	85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Điều hành tour du lịch	21,00%	21,00%	21,00%
Viet India Travel Private Limited	A-502, Urban Square, Golf, Course Extension Road, Sector 62, Gurgaon City, Haryana State, India	Điều hành tour du lịch; Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch.	51,00%	51,00%	51,00%

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2. Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Quốc Kỳ	Chủ tịch	11/05/2024	-
Ông Trần Đoàn Thế Duy	Thành viên/ Tổng Giám đốc	11/05/2024	-
Ông Võ Quang Liên Kha	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	11/05/2024	-
Bà Nguyễn Thị Lê Hương	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	11/05/2024	-
Bà Nguyễn Nguyệt Vân Khanh	Thành viên	11/05/2024	-
Ông Vũ Đức Biên	Thành viên	27/06/2020	11/05/2024
Ông Lã Quốc Khánh	Thành viên độc lập	11/05/2024	-
Ông Lê Kiên Thành	Thành viên độc lập	11/05/2024	-

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm</u>
Ông Trần Đoàn Thế Duy	Tổng Giám đốc	01/01/2021
Ông Võ Quang Liên Kha	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2019
Bà Nguyễn Thị Lê Hương	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2019
Bà Huỳnh Phan Phương Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	05/10/2018
Ông Nguyễn Hà Trung	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2021

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Quốc Kỳ	Chủ tịch Hội đồng quản trị	11/05/2024
Ông Trần Đoàn Thế Duy	Tổng Giám đốc	01/01/2021

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4. Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính và sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 197-NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 5 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án tăng vốn điều lệ Công ty mẹ, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 48.719.019 cổ phiếu, chi tiết như sau:

Tổ chức phát hành:	Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel
Mã chứng khoán:	VTR
Loại cổ phiếu phát hành:	cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 VND/cổ phiếu

Phát hành cổ phiếu đợt 1: chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 28.658.247 cổ phiếu

Tỷ lệ thực hiện quyền: Tỷ lệ 1:1

Giá chào bán cổ phiếu: 12.000 VND/cổ phiếu

Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Thanh toán các khoản vay đến hạn cho các ngân hàng

Tổng giá trị vốn huy động dự kiến: 343.898.964.000 VND

Thời gian dự kiến chào bán: Quý 1 – quý 2 năm 2025

Phát hành cổ phiếu đợt 2:

- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 17.194.948 cổ phiếu, tỷ lệ 15%
- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP): 2.865.824 cổ phiếu, giá chào bán: 10.000 VND/cổ phiếu, thời gian hạn chế 18 tháng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty mẹ chưa hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ nêu trên.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



NGUYỄN QUỐC KỲ
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số: 281/2025/BCKTHN-HCM.01320



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2025, từ trang 07 đến trang 55, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



BÙI TÙNG VÂN
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 0071-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

NGUYỄN THỊ THÙY TRANG
Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 4128-2022-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.522.808.555.903	2.223.975.210.429
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	116.856.560.614	90.545.859.554
Tiền	111		100.052.879.913	75.115.859.554
Các khoản tương đương tiền	112		16.803.680.701	15.430.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.703.119.966	12.078.693.750
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	15.703.119.966	12.078.693.750
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.048.313.627.545	1.848.413.248.351
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	251.502.242.966	308.697.885.250
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	745.053.559.884	465.220.601.656
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5.1	1.068.407.705.656	1.085.876.579.651
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(16.649.880.961)	(11.381.818.206)
Hàng tồn kho	140	5.7	220.973.340	68.408.989
Hàng tồn kho	141		220.973.340	68.408.989
Tài sản ngắn hạn khác	150		341.714.274.438	272.868.999.785
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	341.652.050.732	271.526.525.997
Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.16	35.859.466	1.234.240.342
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	26.364.240	108.233.446
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		129.654.722.243	123.726.446.471
Các khoản phải thu dài hạn	210		8.220.806.665	8.062.380.665
Phải thu dài hạn khác	216	5.5.2	8.220.806.665	8.062.380.665
Tài sản cố định	220		18.973.208.678	25.450.476.610
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	5.926.255.058	14.056.092.619
Nguyên giá	222		202.336.778.752	202.903.424.845
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(196.410.523.694)	(188.847.332.226)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	13.046.953.620	11.394.383.991
Nguyên giá	228		41.735.314.384	32.385.111.113
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(28.688.360.764)	(20.990.727.122)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		82.309.855.537	73.033.327.030
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	82.309.855.537	73.033.327.030
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.509.540.413	4.509.540.413
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.12.1	733.420.982	733.420.982
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.12.2	181.913.259.431	181.913.259.431
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.12.2	(178.137.140.000)	(178.137.140.000)
Tài sản dài hạn khác	260		15.641.310.950	12.670.721.753
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	15.160.226.950	11.949.095.753
Lợi thế thương mại	269	5.13	481.084.000	721.626.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.652.463.278.146	2.347.701.656.900

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.182.349.529.739	1.911.584.725.389
Nợ ngắn hạn	310		2.148.120.611.941	1.909.331.325.389
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	692.529.306.331	599.355.420.026
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	328.900.639.363	291.893.031.892
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	67.759.090.691	48.268.143.979
Phải trả người lao động	314		27.245.851.854	36.286.423.664
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		58.450.678	188.752.945
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17.1	147.270.343.509	226.762.262.564
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18.1	882.415.637.929	704.606.498.733
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		1.941.291.586	1.970.791.586
Nợ dài hạn	330		34.228.917.798	2.253.400.000
Phải trả dài hạn khác	337	5.17.2	1.081.200.000	1.056.400.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18.2	33.147.717.798	1.197.000.000
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		470.113.748.407	436.116.931.511
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	470.113.748.407	436.116.931.511
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		292.390.900.000	292.948.330.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		292.390.900.000	292.948.330.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		123.105.450.825	123.227.805.325
Cổ phiếu quỹ	415		(6.180.498.800)	(6.860.283.300)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		1.712.019.601	1.421.016.865
Quỹ đầu tư phát triển	418		23.076.888.391	23.076.888.391
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		34.843.045.000	323.399.883
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(1.254.693.208)	(80.426.747.457)
LNST chưa phân phối năm nay	421b		36.097.738.208	80.750.147.340
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.165.943.390	1.979.774.347
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.852.463.278.146	2.347.701.656.900

PHAN THỊ NGỌC GIAO
Người lập biểu

HỒ QUỐC BÌNH
Quyền Kế toán trưởng

NGUYỄN QUỐC KỲ
Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	6.734.798.131.924	5.948.969.341.379
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10		6.734.798.131.924	5.948.969.341.379
Giá vốn hàng bán	11	6.2	6.295.349.311.127	5.470.159.462.578
Lợi nhuận gộp	20		439.448.820.797	478.809.878.801
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	21.746.907.941	12.731.227.759
Chi phí tài chính	22	6.4	86.161.593.770	91.042.486.405
Trong đó: chi phí lãi vay	23		63.534.358.118	39.018.401.241
Phần lãi/ (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24	5.12.1	-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	50.257.260.621	39.807.537.651
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	297.840.771.768	271.530.909.952
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		26.936.102.579	89.160.172.552
Thu nhập khác	31	6.7	33.651.024.906	13.316.709.316
Chi phí khác	32	6.8	4.241.382.676	2.650.125.866
Lợi nhuận khác	40		29.409.642.230	10.666.583.450
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		56.345.744.809	99.826.756.002
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		21.041.579.996	19.876.757.952
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		35.304.164.813	79.949.998.050
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		36.097.738.208	80.750.147.340
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(793.573.395)	(800.149.290)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.260	2.902



PHAN THỊ NGỌC GIAO
Người lập biểu



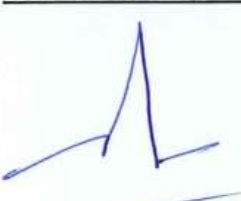
HỒ QUỐC BÌNH
Quyền Kế toán trưởng

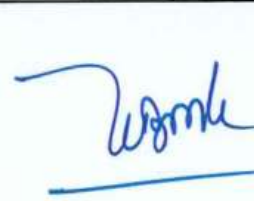


NGUYỄN QUỐC KỲ
Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		7.141.862.389.618	6.372.223.126.122
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(7.097.545.499.381)	(6.136.544.507.206)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(155.183.398.801)	(139.610.357.720)
Tiền chi trả lãi vay	04		(63.534.358.118)	(38.939.115.294)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(21.041.712.572)	(181.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.639.634.322.693	1.253.470.641.705
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.679.009.804.431)	(1.478.238.570.392)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(234.818.060.992)	(167.819.782.785)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(25.015.575.080)	(1.536.084.015)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		1.045.454.545	450.454.544
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.508.000.000)	(45.595.200.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		2.155.000.000	200.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		77.106.575.343	2.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.423.877.152	633.929.339
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		51.207.331.960	(44.046.700.132)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	71.912.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	5.18	2.388.434.031.189	1.362.758.623.229
Tiền trả nợ gốc vay	34	5.18	(2.178.674.174.195)	(1.210.443.416.410)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		209.759.856.994	224.227.206.819
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		26.149.127.962	12.360.723.902
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	5.1	90.545.859.554	77.654.444.165
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		161.573.098	530.691.487
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	5.1	116.856.560.614	90.545.859.554


PHAN THỊ NGỌC GIAO
Người lập biểu


HỒ QUỐC BÌNH
Quyền Kế toán trưởng


NGUYỄN QUỐC KỶ
Chủ tịch
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025



Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel (gọi tắt là "Công ty mẹ") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0300465937 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 9 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 37 ngày 30 tháng 12 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 292.390.900.000 VND
(Hai trăm chín mươi hai tỷ ba trăm chín mươi triệu chín trăm nghìn đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND

Tổng số cổ phần: 29.239.090 cổ phần

Mã chứng khoán: VTR

Sàn giao dịch: UPCoM

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Các công ty trong Tập đoàn kinh doanh trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty mẹ là:

- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Đại lý đổi ngoại tệ. Dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ;
- Quảng cáo thương mại;
- Mua bán điện thoại di động và simcard;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Dịch thuật;
- Đại lý vận tải xếp dỡ; giao nhận hàng hóa theo sự ủy thác của chủ hàng; Đại lý và môi giới hàng hải. Đại lý vé máy bay cho các hãng hàng không. Dịch vụ đại lý tàu biển. Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không. Dịch vụ đóng hộp, đóng thùng và bao gói hàng hóa để vận chuyển;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Tư vấn du học;
- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng bằng xe ô tô;
- Du lịch lặn biển (hoạt động bơi lội thể thao dưới nước);
- Vận chuyển khách du lịch;
- Khách sạn (khách sạn phải đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh);
- Hoạt động của đại lý bảo hiểm;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dạy ngoại ngữ; Dạy máy tính;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo đại học (không hoạt động tại trụ sở);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Cung ứng dịch vụ thương mại, du lịch, khách sạn, bán hàng miễn thuế tại nhà ga hàng không; bán quảng cáo trên chuyến bay và trên mặt đất; cung ứng các dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không, sân bay; dịch vụ cung cấp phụ tùng máy bay; dịch vụ chuyên ngành hàng không khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (trừ kinh doanh bến ô tô, hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Bưu chính;
- Chuyển phát;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ tư vấn pháp lý);
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và cam kết không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh tại trụ sở);
- Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Dịch vụ xử lý dữ liệu và dịch vụ mạng xã hội;
- Dịch vụ thương mại điện tử;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng;
- Hoạt động chế biến và phục vụ đồ uống cho khách hàng tiêu dùng tại chỗ của các quán bar, quán karaoke, quán rượu; quán giải khát có khiêu vũ (trong đó cung cấp dịch vụ đồ uống là chủ yếu); hàng bia, quán bia; quán cafe, nước hoa quả, giải khát; dịch vụ đồ uống khác như: nước mía, nước sinh tố, quán chè, xe bán rong đồ uống... (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khóa, ghế tựa, dù che...; Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; Hoạt động của các sân nhảy (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động); Hoạt động của các phòng hát karaoke (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động);
- Cung ứng lao động tạm thời;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài; Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Dạy nghề;
- Đại lý bán vé tàu hỏa;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ môi giới bất động sản và đấu giá tài sản);
- Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...) (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động);
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, sữa, sản phẩm từ sữa và trứng, bột ăn dặm, bột ngũ cốc, thực phẩm chức năng, vitamin tổng hợp (trừ dược phẩm); các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có ga; nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác; rượu vang và bia có chứa cồn ở nồng độ thấp hoặc không chứa cồn. Bán lẻ dụng cụ y tế (bông, gạc, dụng cụ cứu thương, kim tiêm...), mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh; máy và thiết bị y tế sử dụng trong gia đình: máy đo huyết áp, máy trợ thính... Bán lẻ hàng lưu niệm; đồ điện gia dụng; giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện; Bán lẻ các loại thẻ cào điện thoại; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông; thiết bị nghe nhìn; văn phòng phẩm; trò chơi, đồ chơi (không kinh doanh trò chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội); Bán lẻ đồng hồ, kính mắt; máy ảnh và vật liệu ảnh, thức ăn cho động vật cảnh; Bán lẻ dụng cụ và đồ dùng nhà bếp; dụng cụ và đồ dùng làm vườn; đồ dùng cho nhà tắm và phòng giặt, xe nôi, xe đẩy, ghế ăn trẻ em, bình sữa, phụ kiện chăm sóc em bé; đồ dùng cho thú nuôi, vật cảnh. Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn, hàng may mặc, giày dép, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác. Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao (trừ súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ). Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh, hàng gốm sứ, thủy tinh, quần áo, giày dép, đồ dùng gia đình (trừ sách, báo, tạp chí, băng đĩa, dược phẩm, vàng, bạc, đá quý). Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác, văn phòng phẩm, hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da, quần áo, đồ phụ trợ hàng may mặc (thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 của UBND dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh); và
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (trừ dịch vụ lấy lại tài sản, máy thu tiền xu đổ xe, hoạt động đấu giá độc lập, quản lý và bảo vệ trật tự tại các chợ).

Trong năm, hoạt động kinh doanh chính của các công ty trong Tập đoàn là kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế, đại lý vé máy bay cho các hãng hàng không.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của các công ty trong Tập đoàn không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

1.5 Cấu trúc Tập đoàn

Các công ty con đã được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Indochina Heritage Travel	350Beo, đường Preaek Monivong, Phường Bung Kanh Kon I, Quận Cham Ka Mon, TP. Phnom Penh, Campuchia	Tổ chức hoạt động du lịch lữ hành	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại Đầu tư Đảo Ngọc Bích	Số 53, đường 30/04, Khu phố 1, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Vietravel Australia Pty. Ltd.	Số 294, đường Hampshire, Sunshine, bang Victoria 3020, Úc	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty TNHH An Incentives	Số 19, đường Damesme, 75013 Paris – 19 rue Damesme 75013 Paris, Cộng hòa Pháp	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa, điều hành tour, bán vé máy bay, kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách du lịch	100,00%	100,00%	100,00%
Viet Nam Travel and Marketing Transports Joint Stock Company – Vietravel	Số 9191, phòng 220, đại lộ Bolsa, TP. Westminster, bang California, Hoa Kỳ	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa, đại lý vé máy bay	100,00%	100,00%	100,00%
Viet Nam Travel and Marketing Transports Private Limited	Phòng 08-08, Orchard Plaza, số 150 đại lộ Orchard, 238841 Singapore	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa, đại lý vé máy bay	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần Truyền thông & Sự kiện Đàn Ong Việt	27-29 Huỳnh Văn Gấm, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tổ chức, giới thiệu và xúc tiến thương mại	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH MTV Du lịch Vietravel Huế	01 Hùng Vương, Phường Phú Hội, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa	100,00%	100,00%	100,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Cấu trúc Tập đoàn (tiếp theo)

Các công ty con không được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn do Công ty mẹ chỉ mới chuyển vốn đầu tư hoặc mới thành lập nên chưa góp vốn và tạm thời chưa hoạt động kinh doanh:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Vietravel (*)	90A Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh lữ hành du lịch, bất động sản, ăn uống, nhà hàng, đào tạo trung cấp	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Trip U	90A Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh dịch vụ lữ hành du lịch, cổng thông tin chi tiết dịch vụ thương mại điện tử	100,00%	100,00%	100,00%

(*) Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Vietravel đã giải thể ngày 08/01/2025.

Các công ty liên doanh, liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu, gồm:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Viet Nam Travel and Marketing Transports Co., Ltd.	752/2 Petch Kasem, 55/2 Alley, Lak Song Subdistricct, Quận Bang Khae, Bangkok Metropolis, Thái Lan	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa, đại lý vé máy bay	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần Lữ hành Sài Gòn Việt Nam (**)	85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Điều hành tour du lịch	21,00%	21,00%	21,00%
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Vietravel	90A Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	45,45%	45,45%	45,45%
Viet India Travel Private Limited	A-502, Urban Square, Golf, Course Extension Road, Sector 62, Gurgaon City, Haryana State, India	Điều hành tour du lịch; Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch.	51,00%	51,00%	51,00%

(**) Tập đoàn nắm giữ 21,00% quyền biểu quyết tại Công ty cổ phần Lữ hành Sài Gòn Việt Nam thông qua Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại Đầu tư Đảo Ngọc Bích.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Chi nhánh Bình Dương	317 Đại lộ Bình Dương, Phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Trung tâm Dịch vụ Du lịch Lá Xanh	23B Trường Sơn, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Chi nhánh Đồng Nai	59 đường 30/4, Phường Thanh Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Chi nhánh Hải Phòng	4 Trần Hưng Đạo, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Chi nhánh Hà Nội	3 Hai Bà Trưng, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam
Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Chi nhánh Đà Nẵng	58 Pasteur, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Xí nghiệp Dịch vụ Vận chuyển Xuyên Á	23B Trường Sơn, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Trung tâm Tư vấn Du học Việt	90A Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Chi nhánh An Giang	01 Lý Tự Trọng, Phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam
Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Chi nhánh Nha Trang	100 Quang Trung, Phường Lộc Thọ, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Chi nhánh Quảng Ngãi	516 Quang Trung, Phường Nguyễn Nghiêm, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Chi nhánh Cần Thơ	103 Trần Văn Khéo, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Chi nhánh Vũng Tàu	150 Trương Công Định, Phường 3, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Chi nhánh Quy Nhơn	28 Trường Chinh, Phường Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Chi nhánh Xuất khẩu lao động tại Hà Nội	Phòng 502, 2 Trần Thánh Tông, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam
	23B Trường Sơn, Phường 4, Quận Tân Bình,

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Xí nghiệp Xây dựng công trình dân dụng Ngôi Sao	TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Chi nhánh Nghệ An	201 Đặng Thái Thân, Phường Quang Trung, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Chi nhánh Cà Mau	324 Phan Ngọc Hiển, Phường 9, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Chi nhánh Rạch Giá	60 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam
Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Chi nhánh Phú Quốc	53 đường 30/4, Khu phố 1, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam
Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Chi nhánh Đắk Lắk	58 Điện Biên Phủ, Phường Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Chi nhánh Quảng Ninh	18 đường 25/4, Phường Bạch Đằng, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Chi nhánh Lâm Đồng	28 Pasteur, Phường 4, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Chi nhánh Thanh Hóa	109 Dương Đình Nghệ, Phường Tân Sơn, TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Trung tâm Nguồn nhân lực Việt Nam	35 Trần Quốc Toản, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Trung tâm Điều hành Hướng dẫn viên Việt Nam	190 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Trung tâm Dịch vụ Du lịch Trip U	90A Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Xí nghiệp Dịch vụ Vận chuyển Xuyên Á Hà Nội	3 Hai Bà Trưng, Phường Tráng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam
Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Chi nhánh Thái Nguyên	203, tổ 26 Lương Ngọc Quyến, Phường Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Chi nhánh Tây Ninh	379 đường 30/4, Khu phố 1, Phường 1, TP. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Trung tâm dạy nghề Vietravel	190 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam 35 Trần Quốc Toản, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Trung tâm Caravan	90A Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Chi nhánh Huế đã giải thể ngày 29/05/2024.	
1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất	
Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.	
1.7 Nhân viên	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 1.190 người (31/12/2023: 1.088 người).	
2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ	
2.1 Năm tài chính	
Năm tài chính của các công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.	
2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán	
Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.	
3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG	
3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng	
Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.	
3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán	
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Các giao dịch bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi các công ty trong Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi các công ty trong Tập đoàn có giao dịch thường xuyên.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi các công ty trong Tập đoàn có giao dịch thường xuyên.

Tỷ giá sử dụng khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con lập bằng đồng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ được xác định như sau:

- Tài sản, nợ phải trả và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức.
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho công ty mẹ được trình bày tại chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại chỉ tiêu "Lợi ích cổ đông không kiểm soát".

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết cuối năm được tính toàn bộ cho công ty mẹ và được ghi nhận vào chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Tập đoàn không được phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/ (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Chi phí tour

Các khoản chi phí đã trả liên quan đến các tour đang thực hiện.

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

4.8 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản cố định hữu hình, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 15
Máy móc thiết bị	03 – 07
Phương tiện vận tải	05 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07
Tài sản cố định khác	04 – 07

4.10 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không thời hạn nên không tính khấu hao.

Bản quyền

Nguyên giá của bản quyền mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 04 năm.

Phần mềm

Giá mua của phần mềm mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 04 đến 08 năm.

Tài sản vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là giá trị quyền thuê nhà và tên miền. Nguyên giá của giá trị quyền thuê nhà và tên miền là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra để có được giá trị quyền thuê nhà và tên miền ở thời điểm hiện tại. Giá trị quyền thuê nhà và tên miền được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 05 đến 25 năm.

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

4.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.17 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư tài chính dài hạn.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.18 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.20 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Tập đoàn Vietravel	Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Vietravel	Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Trip U	Việt Nam	Công ty con
Viet Nam Travel and Marketing Transports Co., Ltd.	Thái Lan	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Vietravel	Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Lữ hành Sài Gòn Việt Nam	Việt Nam	Công ty liên kết
Viet India Travel Private Limited	Ấn Độ	Công ty liên doanh
Công ty cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam	Việt Nam	Công ty có chung cổ đông
Công ty cổ phần Dịch vụ Vận chuyển Thế giới	Việt Nam	Công ty có chung cổ đông
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa	Việt Nam	Công ty có chung cổ đông
Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Viecoms	Việt Nam	Công ty có chung cổ đông
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc		Thành viên quản lý chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt tồn quỹ	10.595.253.460	8.246.263.137
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	89.457.626.453	66.869.596.417
Các khoản tương đương tiền	16.803.680.701	15.430.000.000
	116.856.560.614	90.545.859.554

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

		31/12/2024		01/01/2024
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	7.640.000.000	7.640.000.000	5.995.000.000	5.995.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	7.379.742.466	7.379.742.466	5.500.000.000	5.500.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	650.000.000	650.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	-	-	550.000.000	550.000.000
Các đối tượng khác	33.377.500	33.377.500	33.693.750	33.693.750
	15.703.119.966	15.703.119.966	12.078.693.750	12.078.693.750

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam	815.820.069	51.456.731.850
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa	93.948.500	146.200.555
Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Viecoms	-	104.626.530
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Vietravel	-	4.125.000
Phải thu các khách hàng khác		
Các khách hàng khác	250.592.474.397	256.986.201.315
	251.502.242.966	308.697.885.250

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Trả trước cho các bên liên quan		
Công ty cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam	468.288.824.888	208.184.835.739
Công ty cổ phần Dịch vụ Vận chuyển Thế giới	151.053.898.062	138.108.089.840
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa	1.195.005.923	415.997.868
Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Viecoms	-	226.532.460
Trả trước cho các nhà cung cấp khác		
Các nhà cung cấp khác	124.515.831.011	118.285.145.749
	745.053.559.884	465.220.601.656

5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác

	Giá trị VND	31/12/2024 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2024 Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Viet Nam Travel and Marketing Transports Co., Ltd. – chi hộ	3.246.969.448	-	2.341.544.649	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Trip U – phải thu khác	1.602.743.365	-	1.169.605.465	-
Công ty cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam - lãi cho vay	-	-	143.013.699	-
Công ty cổ phần Dịch vụ Vận chuyển Thế Giới – thu, chi hộ và các khoản khác	561.121.855	-	538.445.260	-
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa – chi hộ	100.000.000	-	100.000.000	-
Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Viecoms – chi hộ	43.450.000	-	2.200.000	-
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Vietravel – chi hộ	4.188.933.517	-	1.626.886.135	-
Công ty cổ phần Tập đoàn Vietravel				
• Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần (*)	845.086.266.657	-	922.192.842.000	-
• Lãi cho vay	-	-	393.424.657	-
• Chi hộ	81.109.845.140	-	11.638.232.457	-
Thủ lao Hội đồng quản trị	750.000.000	-	540.000.000	-
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác				
Thuế GTGT chờ kê khai	4.353.054.232	-	5.254.457.917	-
Tạm ứng cho nhân viên	66.494.096.915	-	74.961.288.938	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.391.421.552	-	2.354.985.778	-
Phải thu ngắn hạn khác	58.479.802.975	(5.247.790.807)	62.619.652.696	(5.247.790.807)
	1.068.407.705.656	(5.247.790.807)	1.085.876.579.651	(5.247.790.807)

(*) Phải thu Công ty cổ phần Tập đoàn Vietravel tiền chuyển nhượng cổ phần của Công ty cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam theo các hợp đồng số 380 – HĐQT – VP ngày 15/12/2021, số 398 – HĐQT – VP ngày 29/12/2021, số 403 – HĐQT – VP ngày 31/12/2021, số 14/HĐ/VTR.CORP ngày 27/12/2022 và các phụ lục.

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	Giá trị VND	31/12/2024 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2024 Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác				
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu – đặt cọc thuê văn phòng	2.117.651.445	-	2.117.651.445	-
Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế – ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư	1.800.000.000	-	1.800.000.000	-
Ký quỹ, ký cược khác	4.303.155.220	-	4.144.729.220	-
	8.220.806.665	-	8.062.380.665	-

5.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	31/12/2024 Dự phòng VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	01/01/2024 Dự phòng VND
Chi nhánh Nhà máy Phân bón Năm Sao – phải thu thương mại	Trên 3 năm	939.457.250	(939.457.250)	Trên 3 năm	939.457.250	(939.457.250)
Công ty TNHH Lữ hành tin tức Quốc tế Thành Đô – phải thu thương mại	Trên 3 năm	731.983.710	(731.983.710)	Trên 3 năm	731.983.710	(731.983.710)
Công ty cổ phần Hưng Thịnh Phát – phải thu thương mại	Trên 3 năm	637.765.727	(637.765.727)	Trên 3 năm	637.765.727	(637.765.727)
China Travel Service (Shandong) Co., Ltd - phải thu thương mại	1 năm – 3 năm	862.147.287	(431.073.644)		-	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vận tải Vy Phương - phải thu thương mại	Trên 3 năm	400.000.000	(400.000.000)	Trên 3 năm	400.000.000	(400.000.000)
Công ty cổ phần Tiếp thị - Thể thao - Du lịch - Giải trí Việt Nam - phải thu khác	Trên 3 năm	2.737.158.619	(2.737.158.619)	Trên 2 năm	2.737.158.619	(2.737.158.619)
Tạp chí Việt Nam Tennis Lifestyle - phải thu khác	Trên 3 năm	1.194.349.362	(1.194.349.362)	Trên 3 năm	1.194.349.362	(1.194.349.362)
Ông Đặng Nhật Đức – trả trước cho người bán	Trên 3 năm	6.110.000.000	(3.055.000.000)		-	-
Các đối tượng khác		8.535.970.404	(6.523.092.649)		4.790.394.230	(4.741.103.538)
		22.148.832.359	(16.649.880.961)		11.431.108.898	(11.381.818.206)

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	11.381.818.206	10.407.850.410
Trích lập dự phòng trong năm	5.527.311.105	973.967.796
Xóa sổ	(259.248.350)	-
Số dư cuối năm	16.649.880.961	11.381.818.206

5.7 Hàng tồn kho

	Giá trị VND	31/12/2024 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2024 Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	-	-	12.000.000	-
Hàng hóa	220.973.340	-	56.408.989	-
	220.973.340	-	68.408.989	-

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí tour	324.198.410.019	257.877.270.911
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.250.625.122	591.297.175
Chi phí khác	15.203.015.591	13.057.957.911
	341.652.050.732	271.526.525.997

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	4.527.068.497	2.415.244.714
Chi phí khác	10.633.158.453	9.533.851.039
	15.160.226.950	11.949.095.753

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL
 190 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.9	Tinh hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình					
	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2024	17.989.088.651	6.136.392.989	151.539.206.686	23.656.724.608	3.582.011.911	202.903.424.845
Tăng trong năm	-	120.494.825	-	3.248.245.091	-	3.368.739.916
Thanh lý	-	-	(3.203.961.130)	-	-	(3.203.961.130)
Xóa sổ	-	-	-	(80.903.000)	-	(80.903.000)
Điều chỉnh khác	-	-	-	(650.521.879)	-	(650.521.879)
Tại ngày 31/12/2024	17.989.088.651	6.256.887.814	148.335.245.556	26.173.544.820	3.582.011.911	202.336.778.752
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2024	17.427.983.386	6.136.392.989	140.365.346.421	21.335.597.519	3.582.011.911	188.847.332.226
Khấu hao trong năm	275.401.641	-	8.805.871.355	1.635.536.249	-	10.716.809.245
Thanh lý	-	-	(2.495.545.816)	-	-	(2.495.545.816)
Xóa sổ	-	-	-	(80.903.000)	-	(80.903.000)
Điều chỉnh khác	-	-	-	(577.168.961)	-	(577.168.961)
Tại ngày 31/12/2024	17.703.385.027	6.136.392.989	146.675.671.960	22.313.061.807	3.582.011.911	196.410.523.694
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2024	561.105.265	-	11.173.860.265	2.321.127.089	-	14.056.092.619
Tại ngày 31/12/2024	285.703.624	120.494.825	1.659.573.596	3.860.483.013	-	5.926.255.058
Trong đó:						
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng						
Tại ngày 01/01/2024	14.618.357.053	6.136.392.989	73.509.957.278	17.020.858.247	3.582.011.911	114.867.577.478
Tại ngày 31/12/2024	16.464.018.940	6.136.392.989	118.846.948.463	19.273.139.729	3.582.011.911	164.302.512.032
Giá trị còn lại của tài sản thế chấp để bảo đảm các khoản vay						
Tại ngày 01/01/2024	-	-	10.006.109.239	-	-	10.006.109.239
Tại ngày 31/12/2024	-	-	-	-	-	-

VIỆT NAM
AN
TY

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL
 190 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.10	Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình						
	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Nhãn hiệu, tên thương mại VND	Chương trình phần mềm VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND	
Nguyên giá							
Tại ngày 01/01/2024	6.974.774.000	405.799.750	139.140.000	14.967.952.911	9.897.444.452	32.385.111.113	
Tăng trong năm	-	-	-	9.350.203.271	-	9.350.203.271	
Tại ngày 31/12/2024	6.974.774.000	405.799.750	139.140.000	24.318.156.182	9.897.444.452	41.735.314.384	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Tại ngày 01/01/2024	-	405.799.750	113.051.250	12.824.630.457	7.647.245.665	20.990.727.122	
Hao mòn trong năm	-	-	26.088.750	7.174.263.212	497.281.680	7.697.633.642	
Tại ngày 31/12/2024	-	405.799.750	139.140.000	19.998.893.669	8.144.527.345	28.688.360.764	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2024	6.974.774.000	-	26.088.750	2.143.322.454	2.250.198.787	11.394.383.991	
Tại ngày 31/12/2024	6.974.774.000	-	-	4.319.262.513	1.752.917.107	13.046.953.620	
Trong đó:							
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng							
Tại ngày 01/01/2024	-	405.799.750	-	4.411.270.911	1.928.506.345	6.745.577.006	
Tại ngày 31/12/2024	-	405.799.750	139.140.000	11.864.402.911	1.928.506.345	14.337.849.006	
5.11	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang					Tại ngày 31/12/2024 VND	
	Tại ngày 01/01/2024 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển tài sản cố định VND	Giảm khác VND			
Xây dựng cơ bản							
• Dự án 01 Nguyễn Huệ	48.650.346.693	22.254.123.187	-	-	70.904.469.880		
• Các công trình khác	24.382.980.337	1.661.923.185	(9.350.203.271)	(5.289.314.594)	11.405.385.657		
	73.033.327.030	23.916.046.372	(9.350.203.271)	(5.289.314.594)	82.309.855.537		




5.12 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

5.12.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị đầu tư	Giá trị hợp lý	Giá trị đầu tư	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Viet Nam Travel and Marketing Transports Co., Ltd.	209.005.736	(*)	209.005.736	(*)
Công ty cổ phần Lữ hành Sài Gòn Việt Nam	524.415.246	(*)	524.415.246	(*)
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Vietravel	-	-	-	-
Viet India Travel Private Limited	-	-	-	-
	733.420.982		733.420.982	

(*) Tại ngày lập báo cáo này, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết:

Tên công ty	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài	Vốn điều lệ/ Vốn theo giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài	Tại ngày 31/12/2024 Số cổ phần/ Vốn điều lệ Công ty nắm giữ	Tỷ lệ thực góp/VĐL %
Viet Nam Travel and Marketing Transports Co., Ltd.	Số 201900655 ngày 13 tháng 5 năm 2019 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp		980.000,00 THB tương đương 781.902.800 VND	49,00
Công ty cổ phần Lữ hành Sài Gòn Việt Nam	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314181156 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 14 tháng 6 năm 2019	2.500.000.000 VND	525.000.000 VND	21,00
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Vietravel	Số 0317348639 đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 6 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp	110.000.000.000 VND	-	-
Viet India Travel Private Limited	Số 202401324 ngày 30 tháng 9 năm 2024 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	51.000,00 USD	-	-

Thông tin chi tiết về đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:

	Viet Nam Travel and Marketing Transports Co., Ltd. VND	Công ty cổ phần Lữ hành Sài Gòn Việt Nam VND	Cộng VND
Giá gốc			
Tại ngày 01/01/2024	781.902.800	525.000.000	1.306.902.800
Tăng giá trị đầu tư	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	781.902.800	525.000.000	1.306.902.800
Phần lãi (lỗ) phát sinh sau ngày đầu tư			
Tại ngày 01/01/2024	(572.897.064)	(584.754)	(573.481.818)
Phần lãi/ (lỗ) trong công ty liên kết	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	(572.897.064)	(584.754)	(573.481.818)
Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu			
Tại ngày 01/01/2024	209.005.736	524.415.246	733.420.982
Tại ngày 31/12/2024	209.005.736	524.415.246	733.420.982

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL
190 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Các cam kết góp vốn chưa thực hiện tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Vốn điều lệ của đơn vị nhận vốn đầu tư	Vốn cam kết góp	Tỷ lệ (%)	Tình hình thực hiện góp vốn	
				Vốn đã góp đến 31/12/2024	Vốn chưa góp đến 31/12/2024
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Vietravel	110.000.000.000 VND	50.000.000.000 VND	45,45	-	50.000.000.000 VND
Viet India Travel Private Limited	100.000,00 USD	51.000,00 USD	51,00	-	51.000,00 USD

5.12.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Viet Nam Travel and Marketing Transports Private Limited (i)	3.776.119.431	-	(*)	3.776.119.431	-	(*)
Công ty cổ phần Hàng không Lữ Hành Việt Nam	178.137.140.000	(178.137.140.000)	(*)	178.137.140.000	(178.137.140.000)	(*)
	181.913.259.431	(178.137.140.000)		181.913.259.431	(178.137.140.000)	

(i) Chi phí đầu tư cho Viet Nam Travel and Marketing Transports Private Limited.

(*) Tại ngày lập báo cáo này, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	178.137.140.000	136.688.391.940
Trích lập dự phòng trong năm	-	41.448.748.060
Số dư cuối năm	178.137.140.000	178.137.140.000

5.13 Lợi thế thương mại

	Công ty TNHH An Incentives VND
Giá gốc	
Tại ngày 01/01/2024	2.405.420.000
Phát sinh từ hợp nhất	-
Tại ngày 31/12/2024	2.405.420.000
Phân bổ lũy kế	
Tại ngày 01/01/2024	1.683.794.000
Phân bổ trong năm	240.542.000
Tại ngày 31/12/2024	1.924.336.000
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2024	721.626.000
Tại ngày 31/12/2024	481.084.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TÀI VIỆT NAM – VIETRAVEL
190 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá trị	31/12/2024 Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	01/01/2024 Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các bên liên quan				
Công ty cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam	20.668.600	20.668.600	37.810.400	37.810.400
Công ty cổ phần Dịch vụ Vận chuyển Thế giới	2.059.516.525	2.059.516.525	3.877.709.002	3.877.709.002
Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Viecoms	166.290.972	166.290.972	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Golden M Premium Holidays Pte. Ltd.	44.737.644.784	44.737.644.784	37.559.192.836	37.559.192.836
Siam Brothers Enterprise Co., Ltd	70.734.800.699	70.734.800.699	45.228.539.430	45.228.539.430
Beijing Cosmos Travel International Co., Ltd	100.914.678.657	100.914.678.657	49.135.783.620	49.135.783.620
Các nhà cung cấp khác	473.895.706.094	473.895.706.094	463.516.384.738	463.516.384.738
	692.529.306.331	692.529.306.331	599.355.420.026	599.355.420.026

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Các khách hàng khác	328.900.639.363	291.893.031.892
	328.900.639.363	291.893.031.892

5.16 Thuế

Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Thuế GTGT được khấu trừ	35.859.466	1.234.240.342

Tập đoàn nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT như sau:

Dịch vụ du lịch trong nước và các dịch vụ trong nước khác:	10%
Vé máy bay đi nước ngoài:	0%

Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Phải thu	31/12/2024 Phải nộp VND	Phải thu	01/01/2024 Phải nộp VND
Thuế GTGT	-	41.237.557.040	30.120.014	20.812.921.418
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	19.921.459.246	-	19.921.591.822
Thuế thu nhập cá nhân	16.762.129	5.800.771.568	68.511.321	7.248.152.211
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	9.602.111	799.302.837	9.602.111	285.478.528
Cộng	26.364.240	67.759.090.691	108.233.446	48.268.143.979

Thuế thu nhập doanh nghiệp		
Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất áp dụng là 20%.		
Các loại thuế khác		
Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.		
Quyết toán thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.		
5.17	Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác	
5.17.1	Phải trả ngắn hạn khác	
		31/12/2024 01/01/2024 VND VND
	Phải trả các bên liên quan	
	Công ty cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam	-11.800.000.000
	Công ty cổ phần Dịch vụ Vận chuyển Thế giới – phải trả khác	906.192.200906.192.200
	Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	
	KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	2.551.705.1473.391.941.727
	Phải trả cổ tức	617.817.984617.817.984
	Phải trả ngắn hạn khác	143.194.628.178210.046.310.653
		147.270.343.509226.762.262.564
5.17.2	Phải trả dài hạn khác	
		31/12/2024 01/01/2024 VND VND
	Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	
	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.081.200.0001.056.400.000
		1.081.200.0001.056.400.000

5.18 Vay ngắn hạn, dài hạn

5.18.1 Vay ngắn hạn

		31/12/2024		01/01/2024	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND
Vay các tổ chức và cá nhân khác – VND					
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	(i)	246.846.958.416	246.846.958.416	227.161.645.196	227.161.645.196
• Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	(ii)	198.711.642.917	198.711.642.917	148.998.949.312	148.998.949.312
• Ngân hàng TMCP Quân đội	(iii)	99.993.510.305	99.993.510.305	49.869.256.347	49.869.256.347
• Ngân hàng TMCP phần Kỹ thương Việt Nam	(iv)	199.891.880.790	199.891.880.790	184.984.385.021	184.984.385.021
• Ngân hàng TMCP Tiên Phong	(v)	49.760.242.609	49.760.242.609	57.064.262.857	57.064.262.857
• Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	(vi)	49.960.406.892	49.960.406.892	-	-
• Các tổ chức, cá nhân khác		35.501.000.000	35.501.000.000	30.501.000.000	30.501.000.000
		880.665.641.929	880.665.641.929	698.579.498.733	698.579.498.733
Vay dài hạn đến hạn trả – VND					
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		-	-	6.027.000.000	6.027.000.000
• Các tổ chức, cá nhân khác		1.749.996.000	1.749.996.000	-	-
		1.749.996.000	1.749.996.000	6.027.000.000	6.027.000.000
		882.415.637.929	882.415.637.929	704.606.498.733	704.606.498.733

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn như sau:

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 7 Thành phố Hồ Chí Minh
 Hợp đồng hạn mức: Số 1108/2024-HĐCVHM/NHCT924-VIETRAVEL ngày 11/08/2024.
 Hạn mức: 300.000.000.000 VND.
 Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
 Thời hạn vay: 05 – 06 tháng.
 Lãi suất: Theo từng khế ước nhận nợ cụ thể.
 Tài sản bảo đảm: Không có.
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 7 Thành phố Hồ Chí Minh là 246.846.958.416 VND.
- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch 2
 Hợp đồng hạn mức: Số 03/2024/62715/HĐTD ngày 31/10/2024.
 Hạn mức: 300.000.000.000 VND.
 Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
 Thời hạn vay: 05 – 06 tháng.
 Lãi suất: Theo từng khế ước nhận nợ cụ thể.
 Tài sản bảo đảm: Không có.
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch 2 là 198.711.642.917 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Vay ngắn hạn (tiếp theo)

- (iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở giao dịch 2
Hợp đồng tín dụng: Số 236978.24.103.19251936.TD ngày 24/10/2024.
Số tiền vay: 100.000.000.000 VND.
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
Thời hạn vay: 06 tháng.
Lãi suất: Theo từng khế ước nhận nợ cụ thể.
Tài sản bảo đảm: Không có.
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở giao dịch 2 là 99.993.510.305 VND.
- (iv) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
Hợp đồng tín dụng: Số CIB20231129100/HĐCTD ngày 26/07/2023;
Phụ lục số CIB20231129100/HĐCTD/PL02 ngày 16/10/2024.
Số tiền vay: 200.000.000.000 VND.
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
Thời hạn vay: 04 tháng.
Lãi suất: Theo từng khế ước nhận nợ cụ thể.
Tài sản bảo đảm: Không có.
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam là 199.891.880.790 VND.
- (v) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Hợp đồng tín dụng: Số 14/2024/HDTD/TTDT KHDNL2 ngày 12/06/2024.
Số tiền vay: 70.000.000.000 VND.
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
Thời hạn vay: 06 tháng.
Lãi suất: Theo từng khế ước nhận nợ cụ thể.
Tài sản bảo đảm: Không có.
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong là 49.760.242.609 VND.
- (vi) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn
Hợp đồng tín dụng: Số 1039083.24 ngày 14/11/2024.
Số tiền vay: 50.000.000.000 VND.
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
Thời hạn vay: 06 tháng.
Lãi suất: Theo từng khế ước nhận nợ cụ thể.
Tài sản bảo đảm: Không có.
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn 49.960.406.892 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Tại ngày 01/01/2024	Số tiền vay/ Kết chuyển từ vay dài hạn	Thanh toán trong năm	Tại ngày 31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	668.078.498.733	2.338.244.651.391	(2.161.158.508.195)	845.164.641.929
Vay ngắn hạn tổ chức, cá nhân khác	30.501.000.000	15.000.000.000	(10.000.000.000)	35.501.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	6.027.000.000	1.197.000.000	(7.224.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả các tổ chức, cá nhân khác	-	1.749.996.000	-	1.749.996.000
	704.606.498.733	2.356.191.647.391	(2.178.382.508.195)	882.415.637.929

5.18.2 Vay dài hạn

		31/12/2024		01/01/2024	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND
Vay các tổ chức và cá nhân khác – VND					
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	(i)	21.189.379.798	21.189.379.798	1.197.000.000	1.197.000.000
• Các tổ chức, cá nhân khác	(ii)	11.958.338.000	11.958.338.000	-	-
		33.147.717.798	33.147.717.798	1.197.000.000	1.197.000.000

Thông tin chi tiết về các khoản vay dài hạn như sau:

(i) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 7 Thành phố Hồ Chí Minh

Hợp đồng tín dụng: Số 0310/2024-HĐCVĐAT/NHCT924-VIETRAVEL ngày 28/03/2024.
 Hạn mức vay: 110.000.000.000 VND.
 Mục đích vay: Đầu tư dự án "Xây dựng công trình chuỗi dịch vụ lữ hành và các dịch vụ
bổ trợ có tầm vóc quốc tế tại Thành phố Huế" ("Dự án").
 Thời hạn vay: 120 tháng.
 Lãi suất: 7,5%/năm.
 Tài sản bảo đảm: - Quyền sử dụng đất và toàn bộ công trình gắn liền với đất đang tồn tại
hoặc hình thành trong tương lai của Dự án tại thửa đất số 252, tờ bản
đồ số 30, số 01 Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, Thành phố Huế,
Tỉnh Thừa Thiên Huế có giá trị thế chấp là 162.424.000.000 VND;
 - Toàn bộ quyền tài sản, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản
thanh toán khác mà Tập đoàn có thể nhận được sau khi hợp đồng thế
chấp có hiệu lực liên quan đến Dự án (bao gồm nhưng không giới hạn
quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng, quyền được nhận tiền bảo
hiểm...) có giá trị thế chấp là 180.000.000.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam –
Chi nhánh 7 Thành phố Hồ Chí Minh là 21.189.379.798 VND.

(ii) Vay dài hạn các tổ chức, cá nhân khác bao gồm các hợp đồng sau:

Vay dài hạn bà Đoàn Minh Khuê
 Hợp đồng vay: Số 37/HDTTHT-VT ngày 27/09/2024.
 Hạn mức vay: 9.000.000.000 VND.
 Thời hạn vay: 24 tháng.
 Lãi suất: 6,5%/năm.
 Tài sản bảo đảm: Không có.
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số dư vay dài hạn bà Đoàn Minh Khuê là 8.812.500.000
VND. Trong đó:
 Vay dài hạn: 7.687.500.000 VND.
 Vay dài hạn đến hạn trả: 1.125.000.000 VND.

và
 Vay dài hạn bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh
 Hợp đồng vay: Số 36/HDTTHT-VT ngày 27/09/2024
 Hạn mức vay: 5.000.000.000 VND.
 Thời hạn vay: 24 tháng.
 Lãi suất: 6,5%/năm.
 Tài sản bảo đảm: Không có.
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số dư vay dài hạn bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh là
4.895.834.000 VND. Trong đó:
 Vay dài hạn: 4.270.838.000 VND.
 Vay dài hạn đến hạn trả: 624.996.000 VND.

Vay dài hạn (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay dài hạn ngân hàng	21.189.379.798	-	-	21.189.379.798
Vay dài hạn các tổ chức, cá nhân khác	13.708.334.000	1.749.996.000	11.958.338.000	-
	34.897.713.798	1.749.996.000	11.958.338.000	21.189.379.798
Tại ngày 01/01/2024				
Vay dài hạn ngân hàng	7.224.000.000	6.027.000.000	1.197.000.000	-
	7.224.000.000	6.027.000.000	1.197.000.000	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Tại ngày 01/01/2024 VND	Vay trong năm VND	Thanh toán trong năm VND	Kết chuyển nợ dài hạn đến hạn trả VND	Tại ngày 31/12/2024 VND
Vay dài hạn ngân hàng	1.197.000.000	21.189.379.798	-	(1.197.000.000)	21.189.379.798
Vay dài hạn các tổ chức, cá nhân khác	-	14.000.000.000	(291.666.000)	(1.749.996.000)	11.958.338.000
	1.197.000.000	35.189.379.798	(291.666.000)	(2.946.996.000)	33.147.717.798

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0300465937 đăng ký thay đổi lần thứ 37 ngày 30 tháng 12 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp:

Vốn điều lệ: 292.390.900.000 VND
(Hai trăm chín mươi hai tỷ ba trăm chín mươi triệu chín trăm nghìn đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND
Tổng số cổ phần: 29.239.090 cổ phần
Mã chứng khoán: VTR
Sàn giao dịch: UPCoM

Chi tiết vốn góp của các cổ đông:

Cổ đông	31/12/2024		01/01/2024	
	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Công ty cổ phần Tập đoàn Vietravel	4.179.181	14,29	4.179.181	14,27
Công ty cổ phần Tập đoàn Hưng Thịnh	6.000.000	20,52	6.000.000	20,48
Công ty cổ phần Quản lý quỹ VinaCapital	2.857.143	9,77	2.857.143	9,75
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Lữ hành Quốc tế Sài Gòn	512.555	1,75	512.555	1,75
Ông Nguyễn Quốc Kỳ	3.203.330	10,96	3.203.330	10,93
Các cổ đông khác	11.906.038	40,72	11.906.038	40,65
Cổ phiếu quỹ	580.843	1,99	636.586	2,17
	29.239.090	100,00	29.294.833	100,00

5.19.3 Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.239.090	29.294.833
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	29.239.090	29.294.833
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	(580.843)	(636.586)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	28.658.247	28.658.247
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

5.20 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.20.1 Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
Dollar Mỹ (USD)	222.369,05	299.867,08
Euro (EUR)	159.441,50	183.205,07
Yên Nhật (JPY)	227.951,00	229.403,00
Dollar Singapore (SGD)	36.684,01	36.684,01
Dollar Úc (AUD)	104.038,91	157.039,82

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.20.2 Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty cổ phần Địa ốc - Vận tải - Du lịch Tín Ngọc Phát	114.248.000	-
Công ty 36.30 (Chi nhánh Tổng công ty 36)	80.070.000	-
Ban Quản lý dự án vệ sinh môi trường Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình	26.135.500	-
Công ty cổ phần Khoáng sản SH	20.500.000	-
Ban Quản lý dự án vệ sinh môi trường và biển đổi khí hậu Thành phố Đồng Hới	18.294.850	-
	259.248.350	-

Lý do xóa nợ: nợ không có khả năng thu hồi.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu

6.1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2024 VND	2023 VND
Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành	6.632.452.298.348	5.845.338.927.107
Doanh thu bán vé máy bay	24.156.956.728	24.527.038.212
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	78.188.876.848	79.103.376.060
	6.734.798.131.924	5.948.969.341.379

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Xem Thuyết minh 9.1.2.

6.2 Giá vốn hàng bán

	2024 VND	2023 VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.295.349.311.127	5.470.159.462.578
	6.295.349.311.127	5.470.159.462.578

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.177.285.537	646.384.947
Lãi cho vay	-	536.438.356
Lãi chênh lệch tỷ giá	20.569.622.404	11.308.473.026
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	239.931.430
	21.746.907.941	12.731.227.759

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

6.4 Chi phí tài chính

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi vay	63.534.358.118	39.018.401.241
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	41.448.748.060
Lỗ chênh lệch tỷ giá	22.627.235.652	10.574.743.404
Chi phí tài chính khác	-	593.700
	86.161.593.770	91.042.486.405

6.5 Chi phí bán hàng

	2024 VND	2023 VND
Chi phí hoa hồng	30.672.369.724	28.611.465.930
Chi phí khác	19.584.890.897	11.196.071.721
	50.257.260.621	39.807.537.651

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	103.049.037.370	104.181.944.049
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.397.306.215	17.983.604.288
Phân bổ lợi thế thương mại	240.542.000	240.542.000
Chi phí khác	176.153.886.183	149.124.819.615
	297.840.771.768	271.530.909.952

6.7 Thu nhập khác

	2024 VND	2023 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	227.039.231	450.454.544
Thưởng doanh số	20.000.000.000	5.000.000.000
Các khoản hoa hồng hỗ trợ từ nhà cung cấp	3.187.597.449	2.860.052.800
Thu nhập khác	10.236.388.226	5.006.201.972
	33.651.024.906	13.316.709.316

6.8 Chi phí khác

	2024 VND	2023 VND
Phạt thuế	3.324.766.071	912.420.941
Chi phí khác	916.616.605	1.737.704.925
	4.241.382.676	2.650.125.866

6.9 Lãi trên cổ phiếu

6.9.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	36.097.738.208	80.750.147.340
Trừ: trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	(1.035.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	36.097.738.208	79.715.147.340
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	28.658.247	27.468.477
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.260	2.902

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	2024	2023
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	28.658.247	16.658.247
Cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm (từ 12/01/2023 đến 08/02/2023)	-	12.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	28.658.247	27.468.477

6.9.2 Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân công	313.710.861.677	302.855.929.362
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.414.442.887	17.996.456.792
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.092.504.622.944	5.298.994.614.960
Chi phí khác	218.817.416.008	161.650.909.067
6.643.447.343.516	5.781.497.910.181	

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

7.1 Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	2024 VND	2023 VND
Hoán đổi vay thành vốn cổ phần	-	168.000.000.000

7.2 Tiền thu từ đi vay

	2024 VND	2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.388.434.031.189	1.362.758.623.229
	<u>2.388.434.031.189</u>	<u>1.362.758.623.229</u>

7.3 Tiền trả nợ gốc vay

	2024 VND	2023 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	2.178.674.174.195	1.210.443.416.410
	<u>2.178.674.174.195</u>	<u>1.210.443.416.410</u>

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tập đoàn có các tài sản tài chính như tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính không được niêm yết. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tập đoàn.

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và các khoản vay có gốc ngoại tệ của Tập đoàn.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về ngoại tệ.

Rủi ro về giá

Tập đoàn có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây hợp nhất thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Các khoản vay và nợ	882.415.637.929	11.958.338.000	21.189.379.798	915.563.355.727
Phải trả người bán	692.529.306.331	-	-	692.529.306.331
Phải trả khác	131.670.393.323	1.081.200.000	-	132.751.593.323
	1.706.615.337.583	13.039.538.000	21.189.379.798	1.740.844.255.381
Tại ngày 31/12/2023				
Các khoản vay và nợ	704.606.498.733	1.197.000.000	-	705.803.498.733
Phải trả người bán	599.355.420.026	-	-	599.355.420.026
Phải trả khác	192.876.733.973	1.056.400.000	-	193.933.133.973
	1.496.838.652.732	2.253.400.000	-	1.499.092.052.732

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay và phải thu				
Phải thu khách hàng	244.516.790.219	302.563.857.851	244.516.790.219	302.563.857.851
Phải thu khác	999.602.778.216	1.007.788.138.837	999.602.778.216	1.007.788.138.837
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Đầu tư ngắn hạn	15.703.119.966	12.078.693.750	15.703.119.966	12.078.693.750
Đầu tư dài hạn	3.776.119.431	3.776.119.431	3.776.119.431	3.776.119.431
Tiền và các khoản tương đương tiền	116.856.560.614	90.545.859.554	116.856.560.614	90.545.859.554
Tổng cộng	1.380.455.368.446	1.416.752.669.423	1.380.455.368.446	1.416.752.669.423
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Vay và nợ	915.563.355.727	705.803.498.733	915.563.355.727	705.803.498.733
Phải trả người bán	692.529.306.331	599.355.420.026	692.529.306.331	599.355.420.026
Phải trả khác	132.751.593.323	193.933.133.973	132.751.593.323	193.933.133.973
Tổng cộng	1.740.844.255.381	1.499.092.052.732	1.740.844.255.381	1.499.092.052.732

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Giá trị hợp lý (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết trình trên Báo cáo tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác được Tập đoàn đánh giá dựa trên các thông tin về khoản trả nợ của từng khách hàng và đối tượng nợ. Trên cơ sở đánh giá này, Tập đoàn ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- Các khoản vay ngân hàng mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Tài sản bảo đảm

Tập đoàn nắm giữ tài sản bảo đảm của các bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.081.200.000 VND và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.056.400.000 VND.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp theo)

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của thành viên quản lý chủ chốt

	2024 VND	2023 VND
Thù lao của Hội đồng quản trị		
• Ông Nguyễn Quốc Kỳ	240.000.000	135.000.000
• Ông Trần Đoàn Thế Duy	240.000.000	135.000.000
• Ông Võ Quang Liên Kha	240.000.000	135.000.000
• Bà Nguyễn Thị Lê Hương	240.000.000	135.000.000
• Bà Nguyễn Nguyệt Vân Khanh	240.000.000	135.000.000
• Ông Vũ Đức Biên	45.000.000	135.000.000
• Ông Lê Quốc Khánh	-	45.000.000
• Ông Lê Kiên Thành	-	45.000.000
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp khác của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc		
• Ông Nguyễn Quốc Kỳ	3.038.062.885	3.233.923.565
• Ông Trần Đoàn Thế Duy	2.221.774.024	2.372.118.400
• Ông Võ Quang Liên Kha	1.934.736.165	2.059.560.158
• Bà Nguyễn Thị Lê Hương	1.734.856.703	1.992.944.615
• Bà Nguyễn Nguyệt Vân Khanh	880.368.570	929.294.551
• Bà Huỳnh Phan Phương Hoàng	1.732.675.963	1.920.474.975
• Ông Nguyễn Hà Trung	1.792.265.960	1.920.141.815
• Ông Lê Quốc Khánh	360.000.000	360.000.000
• Ông Lê Kiên Thành	240.000.000	240.000.000
	15.179.740.270	15.928.458.079

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL
 190 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung	2024 VND	2023 VND
Viet Nam Travel and Marketing Transports Co., Ltd.	Chi hộ	630.105.918	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Vietravel	Chi hộ	-	3.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Trip U	Chi hộ	433.137.900	6.509.000
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Vietravel	Cung cấp dịch vụ	78.625.386	-
	Chi hộ	2.436.599.966	-
Công ty cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam	Giao quyền sử dụng nhãn hiệu	30.000.000.000	45.000.000.000
	Cung cấp dịch vụ	3.616.950.708	5.499.261.400
	Mua dịch vụ	172.132.211.451	249.180.332.254
	Thưởng doanh số được hưởng	20.000.000.000	5.000.000.000
	Cho vay	-	23.500.000.000
	Lãi cho vay	-	14.890.372
	Lãi vay	-	143.013.699
	Chi hộ	1.486.635.500	-
Công ty cổ phần Dịch vụ Vận chuyển Thế giới	Cung cấp dịch vụ	9.979.285.482	14.250.197.351
	Mua vé máy bay, dịch vụ	1.367.957.868.272	1.140.008.895.982
	Thu hộ	5.271.050.422	2.968.000
	Phải trả khác	-	68.366.156
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa	Cung cấp dịch vụ	-	138.391.995
	Mua hàng hóa	899.486.614	1.141.944.525
	Vay ngắn hạn	-	2.000.000.000
	Chi hộ	-	100.000.000
Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Viecoms	Cung cấp dịch vụ	168.553.091	-
	Mua hàng hóa	3.882.367.838	2.655.518.982
	Mua tài sản	80.000.000	-
	Chi hộ	43.450.000	2.200.000
Công ty cổ phần Tập đoàn Vietravel	Cung cấp dịch vụ	11.832.843	-
	Cho vay	-	10.000.000.000
	Lãi cho vay	-	393.424.657
	Chi hộ	69.382.519.840	16.336.926.255

Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Trip U	Phải thu khác	1.602.743.365	1.169.605.465
Viet Nam Travel and Marketing Transports Co., Ltd.	Phải thu khác	3.246.969.448	2.341.544.649
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Vietravel	Phải thu khách hàng	-	4.125.000
	Phải thu khác	4.188.933.517	1.626.886.135
Công ty cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam	Phải thu khách hàng	815.820.069	51.456.731.850
	Trả trước cho người bán	468.288.824.888	208.184.835.739
	Phải thu khác	-	143.013.699
	Phải trả người bán	(20.668.600)	(37.810.400)
	Phải trả khác	-	(11.800.000.000)
Công ty cổ phần Dịch vụ Vận chuyển Thế giới	Trả trước cho người bán	151.053.898.062	138.108.089.840
	Phải thu khác	561.121.855	538.445.260
	Phải trả người bán	(2.059.516.525)	(3.877.709.002)
	Phải trả khác	(906.192.200)	(906.192.200)
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa	Phải thu khách hàng	93.948.500	146.200.555
	Trả trước cho người bán	1.195.005.923	415.997.868
	Phải thu khác	100.000.000	100.000.000
Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Viecoms	Phải thu khách hàng	-	104.626.530
	Trả trước cho người bán	-	226.532.460
	Phải thu khác	43.450.000	2.200.000
	Phải trả người bán	(166.290.972)	-
Công ty cổ phần Tập đoàn Vietravel	Phải thu về chuyển nhượng đầu tư	845.086.266.657	922.192.842.000
	Phải thu khác	81.109.845.140	12.031.657.114

9.2 Thông tin về bộ phận

Tập đoàn chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh dịch vụ du lịch và chủ yếu ở Việt Nam.

9.3 Thông tin so sánh

Tập đoàn điều chỉnh lại số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh 2023 VND	Điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh 2023 VND	Ghi chú
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất					
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.940	(38)	2.902	(i)
(i) Điều chỉnh lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của khoản điều chỉnh lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:					
			Số liệu trước điều chỉnh 2023 VND	Số liệu sau điều chỉnh 2023 VND	
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp			80.750.147.340	80.750.147.340	
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:					
Trừ: Thù lao Hội đồng quản trị			-	(1.035.000.000)	
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu			80.750.147.340	79.715.147.340	
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm			27.468.477	27.468.477	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)			2.940	2.902	

9.4 Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính và sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 197-NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 5 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án tăng vốn điều lệ Công ty mẹ, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 48.719.019 cổ phiếu, chi tiết như sau:

Tổ chức phát hành:	Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel
Mã chứng khoán:	VTR
Loại cổ phiếu phát hành:	cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 VND/cổ phiếu

Phát hành cổ phiếu đợt 1: chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 28.658.247 cổ phiếu

Tỷ lệ thực hiện quyền: Tỷ lệ 1:1

Giá chào bán cổ phiếu: 12.000 VND/cổ phiếu

Phương án sử dụng vốn thu được từ

đợt chào bán:

Thanh toán các khoản vay đến hạn cho các ngân hàng

Tổng giá trị vốn huy động dự kiến: 343.898.964.000 VND

Thời gian dự kiến chào bán: Quý 1 – quý 2 năm 2025

Phát hành cổ phiếu đợt 2:

- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 17.194.948 cổ phiếu, tỷ lệ 15%

- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP): 2.865.824 cổ phiếu, giá chào bán: 10.000 VND/cổ phiếu, thời gian hạn chế 18 tháng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty mẹ chưa hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL
190 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

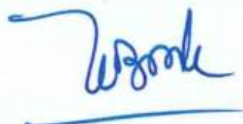
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Sự kiện quan trọng phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính (tiếp theo)

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất. 



PHAN THỊ NGỌC GIAO
Người lập biểu



HỒ QUỐC BÌNH
Quyền Kế toán trưởng



NGUYỄN QUỐC KỲ
Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025